

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2019/HC-PT
Ngày 18/10/2019;
V/v yêu cầu hủy quyết định
hành chính trong việc thu hồi đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Oong Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 138/2019/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc khởi kiện “Yêu cầu hủy quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9528/2019/QĐ-PT ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:***

Ông Bàn Văn T, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Hoàng Văn H, Công ty Luật TNHH Đ, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện S, tỉnh Bắc Giang;

2. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang,

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang N, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện S;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T1, chức vụ : Phó Chủ tịch UBND huyện S (Văn bản ủy quyền số 3654/QĐ-UBND và số 479/QĐ-UBND

ngày 10/10/2019), vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc N1; chức vụ: Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện S, tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang do ông Lại Thanh S1 là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền, vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1981, vắng mặt tại phiên tòa;

3. Cháu Bàn Thị Huyền T2, sinh năm 2000, vắng mặt tại phiên tòa;

4. Cháu Bàn Hữu C, sinh năm 2005, vắng mặt tại phiên tòa;

5. Ông Bàn Sinh H2, sinh năm 1944, vắng mặt tại phiên tòa;

6. Bà Bàn Thị D, sinh năm 1949, vắng mặt tại phiên tòa;

7. Bà Bàn Thị H3, sinh năm 1971, vắng mặt tại phiên tòa;

8. Ông Bàn Văn T3, sinh năm 1977, vắng mặt tại phiên tòa;

Đều trú tại: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang;

9. Bà Bàn Thị L, sinh năm 1979, vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn K, xã TD, huyện HB, tỉnh Quảng Ninh;

10. Bà Bàn Thị H4, sinh năm 1982, vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn ĐM, xã TD1, huyện HB1, tỉnh Quảng Ninh;

11. Bà Bàn Thị H5, sinh năm 1987, vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Xã LH, huyện YD, tỉnh Bắc Giang;

12. Chị Bàn Thị H6, sinh năm 1991, vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn ĐQ, xã LS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang;

12. Bà Bàn Thị H7, sinh năm 1984, vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn TA, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang;

13. Ông Hoàng Xuân B, vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn BC, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang;

14. Ông Nguyễn Đình C1, vắng mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Thôn ĐQ, xã LS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Ông Bàn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 26/3/2017 và ngày 11/01/2018).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/6/2016 UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2555/QĐ-UBND) về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn X đại diện cho 37 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có gia đình ông Bàn Văn T) cư trú tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; không đồng ý với quyết định nêu trên nên ông Bàn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND. Đề nghị UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định thu hồi và quyết định bồi thường đối với diện tích 200m² đất của gia đình ông bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, ông còn yêu cầu Tòa án xem xét hủy các quyết định trái pháp luật sau: Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND huyện S về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất của gia đình ông tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 221/QĐ-UBND); Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND huyện S về chính sách GCNQSD đất của gia đình ông; hủy Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND huyện S về việc hủy 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang (trong đó có gia đình ông).

** Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Bàn Văn T trình bày như sau:*

Gia đình ông sử dụng hợp pháp diện tích đất 2120m² (trong đó có 720m² đất ở và 1.400m² đất trồng cây) tại thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc diện tích là do bố mẹ ông khai hoang từ năm 1972 và để lại cho gia đình ông sử dụng. Năm 2001, gia đình ông được UBND huyện S cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất trên. Gia đình ông sử dụng ổn định đã xây nhà và một số công trình khác trên đất, không có tranh chấp và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Năm 2011, UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang tiến hành thu hồi 200m² đất của gia đình ông để thực hiện dự án xây dựng đường tỉnh 293 trên địa phận thị trấn TS và xã T, nhưng không tiến hành bồi thường cho gia đình ông đối với diện tích 200m² đất đã thu hồi. Không đồng ý với việc này nên 37 hộ dân bị thu hồi đất (trong đó có gia đình ông) đã có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 2555 về việc giải quyết khiếu nại cho 37 hộ dân với nội dung “Không bồi thường diện tích đất ở (kể cả đất vườn) trong phạm vi 05m tính từ mép ngoài cùng nền đường tỉnh 293 của 37 hộ gia đình có đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn giao thông” là trái quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Bởi lẽ, toàn bộ diện tích 200m² đất của gia đình ông bị UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang thu hồi đều nằm trong GCNQSD đất mà gia đình ông đã được UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang cấp năm 2001. Tại GCNQSD đất cũng không thể hiện phần diện tích đất bị thu hồi thuộc về hành lang an toàn giao thông.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang trình bày:*

Về trình tự và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 là đúng trình tự và đúng thẩm quyền quy định tại Điều 18 của Luật Khiếu nại và Điều 138 của Luật Đất đai năm 2003.

Về nội dung quyết định hành chính: Thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 293 tại thị trấn TS và xã T có 574 hộ gia đình bị ảnh hưởng phải đền bù giải phóng mặt bằng. Trong quá trình giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, UBND huyện S phát hiện việc cấp GCNQSD đất của một số hộ gia đình dọc Đường tỉnh 293 tại địa phận thị trấn TS và xã T có những sai sót. Từ tình hình trên, UBND huyện S đã thành lập đoàn thanh tra đột xuất việc cấp GCNQSD đất đối với một số hộ gia đình, cá nhân dọc đường tỉnh 293 tại địa phận thị trấn TS và xã T (giai đoạn 1993-2013). Qua việc thanh tra, UBND huyện S đã phát hiện giấy GCNQSD đất của một số hộ gia đình trong đó có hộ gia đình ông Bàn Văn T cấp không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

GCNQSD đất do UBND huyện S đã cấp cho hộ gia đình ông Bàn Văn T không đúng quy định bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ; quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính Phủ về “Giới hạn hành lang bảo vệ”; không đúng quy định của pháp luật về quản lý đất đai nêu theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/03/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những căn cứ trên, UBND huyện S ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 18 hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh 293 và Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 về việc hủy 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình cá nhân tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang trong đó có hộ ông Bàn Văn T.

Đối với Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn X và một số công dân xã T, huyện S:

Trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng, phát hiện một số GCNQSD đất của các hộ gia đình, cá nhân được cấp đến mép ngoài cùng của nền đường tỉnh 293 (không trừ hành lang giao thông). Ngày 31/3/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang có Công văn số 757/UBND-GT về việc giải phóng mặt bằng đường tỉnh 293 đoạn qua địa bàn huyện S, với nội dung: “...Rà soát việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dọc đường tỉnh 293 (Đường Mai Sưu - Hạ My trước đây), thực hiện điều chỉnh giấy chứng nhận được cấp không đúng quy định của Luật đất đai tại thời điểm cấp. Trước mắt để lập, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án, không bồi thường khi thu hồi đất ở (kể cả đất vườn) trong phạm vi 05m tính từ mép ngoài cùng của nền đường đường tỉnh 293 (đoạn qua địa bàn huyện S với quy mô chưa cải tạo, nâng cấp) để xây dựng đường tỉnh 293 nhưng cho phép xem xét hỗ trợ đối với tài sản hợp pháp trên đất ở trong phạm vi này cần phải tháo dỡ, di chuyển để xây dựng đường tỉnh 293; cho phép xem xét hỗ trợ cho các hộ phải tháo dỡ công trình phụ để di dời, xây dựng công trình chính phục vụ tái định cư tại chỗ để xây dựng đường tỉnh 293.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện S chỉ đạo Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của huyện không bồi thường đất ở (kể cả đất vườn) đối với diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi 05m tính từ mép ngoài cùng của nền đường tỉnh 293 với quy mô chưa cải tạo, nâng cấp. Ngày

20/5/2016, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Kết luận số 357/KL-UBND về thanh tra việc cấp GCNQSD đất đối với một số hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh 293 tại địa phận thị trấn TS và xã T huyện S (giai đoạn 1993- 2013), yêu cầu thu hồi GCNQSD đất do tại thời điểm cấp có sai sót và không trừ hành lang giao thông đường tỉnh 293 trong đó có GCNQSD đất của ông Bàn Văn T nêu trên.

Không đồng ý với việc bị trừ trong phạm vi 05m đất làm hành lang giao thông đường tỉnh 293 vào đất của các công dân, ông Đinh Văn X cùng 37 hộ gia đình, cá nhân cư trú tại xã T có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang giải quyết (trong đó có hộ ông Bàn Văn T).

Thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang tại Công văn số 814/UBND-TCĐ ngày 31/3/2016 về việc giải quyết đơn của ông Hoàng Văn B1, ông Đinh Văn X và một số công dân cư trú tại thôn M, thôn B, thôn TC, xã T, huyện S, ngày 11/4/2016 Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 1254/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 27/6/2016, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn X và một số công dân xã T, huyện S trong đó khẳng định, việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng không bồi thường diện tích đất ở (kể cả đất vườn) trong phạm vi 05m tính từ mép ngoài cùng nền đường tỉnh 293 của các hộ gia đình, cá nhân (trong đó có đất của ông Bàn Văn T) là đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang (do ông Lại Thanh S1, Phó Chủ tịch làm đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Trên thực tế, việc thực hiện giải tỏa hành lang giao thông đã được quy định tại Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, theo đó đối với các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh đều phải thực hiện giải tỏa hành lang giao thông sang mỗi bên tính từ chân đường (đối với Quốc lộ 20m, Đường tỉnh 10m). Theo quy định tại Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ thì đối với đường liên thôn, liên xã áp dụng mức hành lang không nhỏ hơn bề rộng một thân đường (tương ứng khoảng 05m từ chân đường).

Theo báo cáo của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Giang tại Công văn số 1212/SGTVT-QLGT ngày 30/6/2014: Đường tỉnh 293 có từ trước năm 1982. Ngày 03/6/1995, UBND tỉnh Hà Bắc (cũ) có quyết định số 52/QĐ-UB đặt tên đoạn đường từ Mai Sru - Hạ My thành đường tỉnh 289. Ngày 10/01/2006, UBND tỉnh Bắc Giang có quyết định số G3/20Q6/QĐ-UBND sát nhập đường tỉnh 289 (Mai Sru - Hạ My) và đường tỉnh 293 (Tiên Hưng - Mai Sru) thành đường tỉnh 293.

Như vậy, thời điểm tuyến đường hình thành thì các quy định về chỉ giới hành lang an toàn giao thông đã có hiệu lực và do đó khi cấp GCNQSD đất, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét đến quy định về hành lang giao thông gắn với thực tế sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc tuyến đường tỉnh 293. Việc tại thời điểm cấp GCNQSD đất giai đoạn năm 2000 - 2010 không áp dụng trừ hoặc áp dụng các mức trừ khác nhau là do nhận thức, trình độ chuyên môn và chủ quan của cán bộ làm công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 3 Điều 92 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (áp dụng tại thời điểm thu hồi đất) thì đất và tài sản trên đất bị thu hồi được xem xét bồi thường, nếu tạo lập trước thời điểm hành lang an toàn công trình được công bố. Từ lịch sử hình thành tuyến đường tỉnh 293 và quy định về chỉ giới hành lang như đã nêu trên, nếu bồi thường về đất mà không xem xét đến quy định về hành lang an toàn đường bộ sẽ không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Việc ban hành Công văn 757/UBND-GT ngày 31/3/2015 với các nội dung như trình bày của UBND huyện S là hoàn toàn phù hợp với quy định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh tại khoản 3 Điều 83; điểm b khoản 1 và khoản 6 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 2004. Bên cạnh đó, để việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng có cơ sở, đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo UBND huyện S rà soát lại việc cấp GCNQSD đất trước khi áp dụng mức trừ hành lang khi thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo công văn nêu trên.

Sau khi thực hiện công tác thanh tra theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai và khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Chủ tịch UBND huyện S có văn bản số 357KL-UBND ngày 20/5/2016 kết luận thanh tra việc cấp GCNQSD đất đối với một số hộ gia đình, cá nhân trên tuyến đường tỉnh 293 tại địa phận thị trấn TS và xã T, huyện S (giai đoạn 1993-2013), theo đó đã thu hồi để cấp đổi lại và chỉnh lý 62 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi, huỷ bỏ 02 GCNQSD đất do đã thu hồi hết đất. Ngày 07/6/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND thu hồi 02 GCNQSD đất và Quyết định số 165/QĐ-UBND đính chính 62 GCNQSD đất nêu trên là đúng pháp luật.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều nhất trí như ý kiến ông T đã trình bày và đồng ý ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng.*

Với nội dung trên, tại Bản án hành sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 3 Điều 97 Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 3 Điều 92 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003; Điều 204 Luật đất đai 2013. Các Điều 7, 8, 9, 13, 14, 17, 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật khiếu nại; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn T đề nghị Tòa án Tuyên bố Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn X đại diện cho 37 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có gia đình ông Bàn Văn T) cư trú tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang là trái pháp luật;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn T đề nghị hủy phần nội dung không bồi thường đất cho gia đình ông Bàn Văn T tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2555/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang cũng như yêu cầu của ông Bàn Văn T đề nghị buộc UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định thu hồi và quyết định bồi thường đối với diện tích 200m² đất hành lang giao thông giáp ranh đất của gia đình ông Bàn Văn T.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn Thành đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 18 hộ gia đình, cá nhân tại xã T, huyện S;

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn T đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 9/8/2016 của UBND huyện S về việc hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho các hộ gia đình ông Bàn Văn T tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc miễn nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 7 năm 2018, ông Bàn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người khởi kiện là ông Bàn Văn T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bàn Văn T trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất là do bố mẹ ông Bàn Văn T khai hoang từ những năm 1972 và để lại cho gia đình ông sử dụng. Năm 2001, gia đình ông T đã được UBND huyện S cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất trên. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông đã xây nhà và một số công trình khác trên đất, sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. UBND huyện S không có quyết định thu hồi đất, ra quyết định thu hồi GCNQSD đất theo thông tư của Bộ tài nguyên môi trường, đánh chính và trừ hành lang không đền bù đất là trái pháp luật. Tại thời điểm thu hồi đất, áp dụng Luật đất đai năm 2013 và Điều 20 nghị định 43 thì đất bị thu hồi hoàn toàn đủ điều kiện cấp GCNQSD đất vì diện tích đất gia đình ông T sử dụng trước thời điểm quy hoạch đường 293 cũng như hành lang đường, tại thời điểm thu hồi, UBND huyện S chưa có quy hoạch hành lang giao thông theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; việc quy hoạch đường phải công bố công khai, việc áp dụng luật không đúng vì Nghị định 172/NĐ/1999 ngày 07/12/1999 quy định quy chuẩn hành lang giao thông, UBND huyện S phải căn cứ vào các quy định này để ra quyết định phê duyệt quy hoạch, quyết định thu hồi đất hành lang giao thông, do vậy UBND huyện S căn cứ quy định tiêu chuẩn kỹ thuật hành lang giao thông áp dụng Nghị định 203, Nghị định 172 thu hồi đất là sai. Do vậy, Quyết định số 2555 của UBND huyện S căn cứ vào Công văn 757 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang để không đền bù diện tích này là không đúng thẩm quyền. Vì không có quy định nào là 05m hành lang giao thông không được bồi thường, theo quy định của Luật đất đai, UBND huyện S phải ra quyết định thu hồi và phải đền bù đối với diện tích đất này.

Do vậy, quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện S là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là xem xét không khách quan toàn diện vụ án dẫn đến giải quyết vụ án trái quy định của pháp luật. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện S và Chủ tịch UBND huyện S trình bày:

Cơ bản giữ nguyên như phía người bị kiện đã trình bày tại cấp sơ thẩm và kháng định, Chủ tịch UBND cũng như UBND huyện S ban hành các quyết định nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; phía người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bàn Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, ông Bàn Văn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông để hủy các quyết định của UBND cũng như của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

[1] Xem xét về đối tượng khởi kiện, thủ tục tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Ngày 27/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Đình Văn Xuân và một số công dân xã T, huyện S” (gọi tắt là Quyết định 2555) trong đó có hộ gia đình ông Bàn Văn T. Không đồng ý với quyết định này, ngày 19/4/2017, ông Bàn Văn T khởi kiện đến Tòa án đề nghị hủy một phần quyết định này liên quan tới việc giải quyết khiếu nại của ông; đề nghị Tòa án buộc UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang ban hành bổ sung quyết định thu hồi đất và bồi thường đối với diện tích 200m² đất thu hồi của gia đình ông để làm đường tỉnh 293.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bàn Văn T còn khởi kiện bổ sung, theo đó ông đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/07/2016 của UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đối với 18 hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh 293 tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang trong đó có GCNQSD đất của gia đình ông, đồng thời ông cũng đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang về việc hủy bỏ GCNQSD đất của các hộ dân, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và còn trong thời hiệu được quyền khởi kiện qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của ông Bàn Văn T Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

2.1. Đối với Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang:

Trong quá trình quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện S đã cấp GCNQSD đất cho một số hộ dân. Tuy nhiên, sau khi phát hiện ra sai sót, UBND huyện Sơn Động đã thành lập đoàn kiểm tra, sau đó đã ra quyết định đình chỉ các GCNQSD đất có sai sót, do sau khi ban hành quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 07/6/2016, UBND huyện S yêu cầu các hộ gia đình đã được cấp phải nộp lại GCNQSD đất để chỉnh sửa cho đúng nhưng có 18 hộ (trong đó có hộ ông Bàn Văn T) không nộp lại GCNQSD đất theo yêu cầu, nên ngày 29/7/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất đã cấp sai đối với 18 hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh 293 tại xã T, huyện S, trong đó có GCNQSD đất của hộ gia đình ông Bàn Văn T với lý do “GCNQSD đất đã cấp không đúng diện tích và mục đích sử dụng đất; vi phạm chỉ giới hành lang giao thông đường bộ”. Do GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Bàn Văn T và một số hộ dân cùng địa bàn không đúng diện tích và mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đã vi phạm chỉ giới hành lang giao thông đường bộ, cho nên căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai và quy định tại khoản 7 Điều 87 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai, UBND huyện S ban hành quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 thu hồi GCNQSD đất của các hộ dân trong trường hợp này là đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về Quyết định 236/QĐ-UBND ngày 9/8/2016 của UBND huyện S đối với việc hủy GCNQSD đất số 011821 ngày 01/7/2001 đã cấp cho hộ ông Bàn Văn T:

Từ phân tích trên thấy rằng GCNQSD đất số 011821 ngày 01/7/2001 mà UBND huyện Sơn Động cấp cho hộ ông Bàn Văn T là không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể là đã cấp không đúng diện tích, mục đích sử dụng đất và vi phạm chỉ giới hành lang giao thông đường bộ, nên UBND huyện S đã ban hành các quyết định đình chỉ, thu hồi nhưng 18 hộ dân, (trong đó có hộ gia đình ông Bàn Văn T) không nộp lại GCNQSD đất đã cấp sai nên ngày 09/8/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 236/QĐ-UBND hủy 18 GCNQSD đất đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh 293 tại xã T, huyện S, trong đó có GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Bàn Văn T. Như vậy, việc ban hành quyết định

này là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai và khoản 7 Điều 87 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2.3. Về Quyết định số 2555 ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang:

Do không được bồi thường đối với đất hành lang giao thông, các hộ dân, trong đó có hộ ông Bàn Văn T, làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện S, đề nghị được bồi thường đối với đất hành lang giao thông được sử dụng làm hành lang đường tỉnh lộ 293 khi được cải tạo, nâng cấp (liên kề với phần đất ở của từng gia đình). Ngày 27/6/2016, Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định 2555/QĐ-UBND “về giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn X và một số công dân tại xã T, huyện S” trong đó có ông Bàn Văn T. Sau khi các hộ dân khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện S đã thụ lý đơn khiếu nại và thành lập tổ công tác để xác minh nội dung khiếu nại (Quyết định số 1254 ngày 11/4/2016) theo đúng quy định tại Điều 27 của Luật khiếu nại; giải quyết khiếu nại của người khiếu nại trong thời hạn quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại, xác minh các nội dung có liên quan tới việc giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 29 Luật khiếu nại; tổ chức đối thoại theo quy định tại Điều 30 Luật khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện S ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 2555/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 theo đúng quy định tại Điều 31 của Luật khiếu nại. Do vậy, trình tự, thủ tục ban hành quyết định này là đúng quy định pháp luật. Yêu cầu của người khởi kiện cũng như kháng cáo cho rằng cần hủy quyết định này là không có căn cứ chấp nhận.

2.4. Về nội dung liên quan đến Quyết định 2555/QĐ-UBND, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Theo kết quả rà soát hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng đường tỉnh 293 đoạn qua huyện S, trong tổng số các hộ dân có đất bị thu hồi có hộ có GCNQSD đất, cũng có hộ chưa có GCNQSD đất. Gia đình ông Bàn Văn T tuy thuộc diện có GCNQSD đất, nhưng trong GCNQSD đất lại không trừ hành lang giao thông. Trong khi đó, việc thực hiện giải tỏa hành lang giao thông đã được quy định từ Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, theo đó đối với các tuyến quốc lộ đường tỉnh đều phải thực hiện giải tỏa hành lang giao thông. Việc tại thời điểm cấp GCNQSD đất của hộ ông Bàn Văn T và các hộ gia đình khác tương tự, không trừ hành lang giao thông là do nhận thức, trình độ của cán bộ chuyên môn của UBND huyện S. Do vậy, sau khi thanh tra làm rõ và xác định có sai phạm, UBND huyện S đã thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của các hộ gia đình, trong đó có hộ ông Bàn Văn T là đúng.

Hơn nữa, sau khi thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã căn cứ vào số liệu thực tế bị thu hồi để bồi thường (sau khi trừ hành lang giao thông), không bồi thường phần đất thuộc hành lang giao thông. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc làm của UBND huyện S là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 157 của Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 4 Điều 56 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Mặc dù theo số liệu trong quyết định số 2555/QĐ-UBND thì hộ ông T có thửa số 339, tờ bản đồ số 61, diện tích 130m², diện tích bị thu hồi được bồi thường = 0m², diện tích trong phạm vi 5m HLGT không được bồi thường = 5,6m² là chưa

đúng với số liệu thực tế của hộ ông T. Tuy nhiên, sau đó UBND huyện S đã ban hành Công văn số 657/UBND-NC ngày 27/6/2017 để đính chính số liệu đối với hộ ông T theo Quyết định số 2555/QĐ-UBND; theo đó, hộ ông T có 02 thửa đang sử dụng bị trừ 5m làm hành lang giao thông không được bồi thường, gồm: Thửa số 64, TĐĐ 61 có diện tích 1.090,7m², trong đó diện tích trong phạm vi hành lang giao thông không được bồi thường là 35,2m² (trong bản đồ đứng tên ông Bàn Sinh H2); thửa số 65, TĐĐ số 61 có diện tích 510,3m², trong đó có diện tích đất trong phạm vi 5m hành lang giao thông không được bồi thường là 29,8m² (trong bản đồ đứng tên Bàn Thị H6). Như vậy, tổng diện tích hộ ông T không được bồi thường là 65m². Việc sai sót này đã được kiểm tra và đính chính kịp thời, chưa làm ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông T.

Do vậy, nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 2555/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện S có nội dung “Không bồi thường diện tích đất (kể cả đất vườn) trong phạm vi 05m tính từ mép ngoài cùng nền đường tỉnh 293 của 37 hộ gia đình có đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn giao thông” (trong đó có hộ gia đình ông Bàn Văn T) là đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn T là có căn cứ, phù hợp với pháp luật; quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới đáng kể nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Thành; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí: Ông Bàn Văn T là người dân tộc thiểu số, thuộc đối tượng được miễn nộp án phí nên ông không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Bàn Văn T; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

2. Ông Bàn Văn T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

